TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 6 – 2023
"Không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Diệp Hồng Châu.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị T1 Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị Quách T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Ông Thạch Hoàng T1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 280, ấp Lao Vên, xã Viên Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lâm Thị Quách T trình bày:

Bà Lâm Thị Quách T với ông Thạch Hoàng T1 kết hôn với nhau vào năm 2010. Không đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn hai người sống riêng, thời gian đầu sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn hạnh phúc thường xuyên cãi vã. Hai người ly T2 từ năm 2019 cho đến nay.

Thời gian chung sống ông bà có một con chung tên Thạch Hoàng T2, sinh ngày 23/02/2012, hiện con đang sống cùng bà T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Lâm Thị Quách T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Hoàng T1.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Thạch Hoàng T1 không có lời trình bày do vắng mặt:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 57/2023/TB-TLVA ngày 03 tháng 4 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Thạch Hoàng T1 nhưng ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Quách T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông T1, không tiến hành hòa giải được và ông T1 cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa bà Lâm Thị Quách T với ông Thạch Hoàng T1. Về con chung: Giao cháu Thạch Hoàng T2, sinh ngày 23/02/2012 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Thạch Hoàng T1 và bà Lâm Thị Quách T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông T1 thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Quách T với ông Thạch Hoàng T1 thấy rằng: Bà T với ông T1 chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "*nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.*". Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc T hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *"Nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003;*

trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Như vậy đối chiếu theo các quy định của pháp luật thì mối quan hệ giữa bà T với ông T1 không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T đương nhiên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Thạch Hoàng T2, sinh ngày 23/02/2012. Hiện con đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy con đang sống cùng bà T và có nguyện vọng sống cùng mẹ nên yêu cầu của bà T phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T yêu cầu nên bà T phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 11; Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc T hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Quách T với ông Thạch Hoàng T1.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Hoàng T2, sinh ngày 23/02/2012 cho bà Lâm Thị Quách T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Thạch Hoàng T1 không phải cấp dưỡng cho con. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T1. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lâm Thị Quách T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006663 ngày 16/02/2023 của Chi cục T hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện Trần Đề;
-Chi cục THA huyện Trần Đề;
-TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
-Lưu HSVA.